

Số: 1982 /GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 30 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ - CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 481/BV-YDCT ngày 24 tháng 06 năm 2025 của Bệnh viện Y dược Cổ truyền về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường Bệnh viện Y dược Cổ truyền và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 53.15./TTr-SNNMT ngày 28 / 6 /2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Y dược Cổ truyền được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Y dược Cổ truyền, vị trí thực hiện số 233, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên Cơ sở: Bệnh viện Y dược Cổ truyền

1.2. Địa điểm hoạt động: số 233, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Quyết định số 2051/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y dược Cổ truyền. Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 16/2018/TNI-GPHĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Sở Y tế tỉnh Tây Ninh cấp phép cho Bệnh viện Y dược Cổ truyền.

1.4. Mã số thuế: 39000451184.

1.5. Loại hình dịch vụ: khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

1.6.1. Bệnh viện có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ.

1.6.2. Quy mô: Bệnh viện có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

1.6.3. Tổng diện tích: 20.000 m²

1.6.4. Công suất: 100 giường bệnh.

1.6.5. Quy trình khám, chữa bệnh: bệnh nhân → khám bệnh → điều trị nội trú/ngoại trú → xuất viện.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Y dược Cổ truyền:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Bệnh viện Y dược Cổ truyền có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Công khai Giấy phép môi trường của Bệnh viện Y dược Cổ truyền đã được cấp phép trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện hoặc tại trụ sở UBND thị trấn, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.6. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.7. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 1554/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Bệnh viện Y dược Cổ truyền tỉnh Tây Ninh, quy mô 100 giường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Y dược Cổ truyền được cấp phép theo quy định của pháp luật. 

Nơi nhận: 

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Sở NN&MT;
- UBND phường;
- Bệnh viện Y dược Cổ truyền;
- Đăng công thông tin điện tử Sở NN&MT;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1982/GPMT-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của bệnh nhân và viên chức, người lao động, lưu lượng 42,9 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: nước thải từ căn tin, lưu lượng 02 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: nước thải từ khu vực giặt quần áo bệnh nhân, lưu lượng 02 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải từ khu hấp tẩy, tiệt trùng dụng cụ xét nghiệm 01 m³/ngày.đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước chung của khu vực trên đường Nguyễn Hữu Thọ, chảy ra suối Lâm Vồ (thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông) phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Suối Lâm Vồ (thuộc hệ thống sông Vàm Cỏ Đông) phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- 01 hố ga đầu nối nước thải vào cống thoát nước của khu vực trên đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1252 625; Y = 567 521 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 48 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: nước thải sau xử lý tự chảy ra cống thoát nước chung của khu vực bằng đường ống ngầm Ø = 220mm đi ngầm cách mặt đất 50cm dài 16m; chảy ra cống bê tông Ø = 400mm, ngầm cách mặt đất 50cm, dài 18m; chảy ra mương thoát nước khu vực tiếp tục chảy ra suối Lâm Vồ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: xả liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT cột A, hệ số K = 1,2, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH		6,5 - 8,5	06 tháng/lần

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 28:2010/ BTNMT Cột A, K=1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
2	BOD ₅	mg/l	36	
3	COD	mg/l	60	
4	TSS	mg/l	60	
5	Sunfua	mg/l	1,2	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12	
10	Tổng coliforms	mg/l	3.000	
11	Salmonella	VK/100 ml	KPH	
12	Shigella	VK/100ml	KPH	
13	Vibro cholera	VK/100ml	KPH	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, viên chức, người lao động tại Bệnh viện phát sinh với lưu lượng lớn nhất là 42,9 m³/ngày.đêm được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại. Nước thải sinh hoạt sau các bể tự hoại theo đường ống thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý 100 m³/ngày.đêm theo phương án nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2.

- Nước thải từ khu vực căn tin, khu vực giặt đồ, vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế phát sinh với lưu lượng lớn nhất là 5 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh tại Bệnh viện được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất thiết kế 100 m³/ngày.đêm để xử lý; nước thải sau xử lý bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột A với hệ số K=1,2), sau đó tiếp tục tự chảy theo đường ống PVC Ø 220mm ngầm cách mặt đất 50cm, dài 16m; chảy ra cống bê tông Ø = 400mm, ngầm cách mặt đất 50cm, dài 18m; chảy ra mương thoát nước khu vực, chảy ra suối Lâm Vồ phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt tại các khu nhà vệ sinh → bể tự hoại → hệ thống xử lý nước

thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Nước thải từ khu vực căn tin, khu vực giặt đồ, vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế → hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện có công suất xử lý $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước thải (nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại, nước thải từ căn tin, khoa dinh dưỡng, khu vực giặt đồ, vệ sinh dụng cụ, thiết bị y tế) → hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có công suất xử lý $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện có quy trình công nghệ như sau: nước thải → hồ thu gom → bể tách rác, lắng cặn (02 ngăn) → bể điều hòa → Thiết bị hợp khối xử lý nước thải (gồm: ngăn đệm vi sinh → ngăn điều hòa, lắng → ngăn lọc → ngăn chứa nước → ngăn khử trùng → ngăn chứa nước sau xử lý).

Hóa chất sử dụng: Chlorine.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải của Trung tâm có công suất xử lý $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ gồm:

+ 01 hồ thu gom, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước $L \times W \times H = 1,2 \text{ m} \times 1,2 \text{ m} \times 1,1 \text{ m}$;

+ 01 bể tách rác, lắng cặn có 02 ngăn, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước $L \times W \times H = 2,9 \text{ m} \times 1,7 \text{ m} \times 3,2 \text{ m}$;

+ 01 bể điều hòa, thể tích 50 m^3 , kết cấu 1 vật liệu bê tông cốt thép, kích thước $L \times W \times H = 5,2 \text{ m} \times 3,0 \text{ m} \times 3,2 \text{ m}$;

+ 01 thiết bị hợp khối xử lý nước thải (Tank FRP), kết cấu vật liệu nhựa (Composite - Fiberglass Reinforced Plastic - FRP), thể tích $35,3 \text{ m}^3$, hình trụ, kích thước ($D \times L$) = $2,05 \text{ m} \times 10,7 \text{ m}$, gồm 6 ngăn: ngăn đệm vi sinh, ngăn điều hòa, lắng, ngăn lọc, ngăn chứa nước, ngăn khử trùng và ngăn chứa nước sau xử lý.

+ 01 bể chứa bùn, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép, kích thước $L \times W \times H = 6,9 \text{ m} \times 1,6 \text{ m} \times 3,2 \text{ m}$ gồm 04 ngăn.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống thu gom nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị và bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời; bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận và lưu chứa nước thải tại điều hòa có thể tích $50,88 \text{ m}^3$ để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT cột A, hệ số $K=1,2$ trước khi xả ra môi trường

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Bệnh viện.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Bệnh viện chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Bệnh viện đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số $K=1,2$ trước khi xả thải ra môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1989/GPMT-UBND
ngày 30... tháng 0... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- + Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của lò đốt chất thải rắn y tế công suất 25 kg/giờ.
- + Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện công suất 400kVA (sử dụng nhiên liệu dầu DO, chỉ hoạt động khi có sự cố mất điện).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 01. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X= 597 398; Y=1218 873
- Dòng khí thải số 02: Tại ống thoát khí thải từ máy phát điện dự phòng của nguồn số 02. Tọa độ vị trí xả khí thải như sau: X = 567 475; Y = 1252 467

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 796,9 m³/giờ.
- Phương thức xả khí thải: khí thải được xả ra môi trường thông qua ống thải, xả liên tục khi hoạt động.
- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế - QCVN 02:2012/BTNMT, cột B; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với hệ số Kp = 1, Kv = 0,8 trước khi xả thải ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- + Nguồn thải số 01: Giá trị giới hạn tối đa của thông số xả thải ra nguồn tiếp nhận theo quy chuẩn QCVN 02:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng		-	06 tháng/lần	Không áp dụng
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	115		
3	HCL	mg/Nm ³	50		
4	CO	mg/Nm ³	200		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
5	SO ₂	mg/Nm ³	300		
6	NO _x	mg/Nm ³	300		
7	Thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, Hg	mg/Nm ³	0,5		
8	Cadmi và hợp chất tính theo Cadmi, Cd	mg/Nm ³	0,16		
9	Chì và các hợp chất theo chì, Pb	mg/Nm ³	1,2	01 năm/lần	
10	Tổng dioxin/furan	ngTeQ/Nm ³	2,3		

+ Nguồn thải số 02: Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cột B, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, hệ số Kp = 1,0 và Kv = 0,8.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	P ≤ 20.000	Không áp dụng	Không áp dụng
2	Bụi	mg/Nm ³	160		
3	NO _x	mg/Nm ³	680		
4	SO ₂	mg/Nm ³	400		
5	CO	mg/Nm ³	800		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò đốt công suất 25 kg/giờ sử dụng nhiên liệu là dầu DO được thu gom thoát ra ngoài môi trường thông qua ống xả theo phương án khí thải sau xử lý đạt QCVN 02:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế.

Nguồn số 02: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành máy phát điện công suất 400kVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường thông qua ống xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Khí thải từ lò đốt chất thải rắn y tế công suất 25 kg/giờ.

- Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò đốt: khí thải lò đốt tại buồng đốt được cấu tạo như tháp rửa thu gom bụi trong dòng khí thải → Bộ phận hấp thụ → ống thải cao → môi trường tiếp nhận.

- Số lượng: 01 hệ thống xử lý khí thải tích hợp chung với lò đốt.

- Công suất thiết kế: 5.000 m³/giờ

- Hoá chất, vật liệu sử dụng: dung dịch NaOH.

1.2.2 Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị thường xuyên.

- Đào tạo đội ngũ nhân viên nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố sẽ ngừng hoạt động tìm nguyên nhân, khắc phục sự cố kịp thời.

- Nếu sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì ngừng hoạt động tại các công đoạn có phát sinh khí thải để sửa chữa, khắc phục đến khi sự cố được khắc phục và sửa chữa xong tiếp tục vận hành để phục vụ sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống lò đốt chất thải rắn y tế có công suất thiết kế 25 kg/giờ tích hợp hệ thống xử lý khí thải công suất 5.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) điểm tại ống khói thải của lò đốt rác thải y tế.

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc môi trường.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Bệnh viện Y dược cổ truyền phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý khí thải của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT – BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2. Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Bệnh viện hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại giấy phép này ra môi trường.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1982/GPMT-UBND
 ngày 30. tháng 06... năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy phát điện dự phòng công suất 400kVA.

- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động giao thông ra vào.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X= 583 369; Y= 1226 891.

- Nguồn số 02: X= 583 293, Y= 1226 889.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên, kiểm tra, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị.
- Cách ly, bao kín các nguồn ồn bằng vật liệu kết cấu hút âm, cách âm phù hợp.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các vật liệu hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phớt,...

- Sử dụng bộ giảm chấn bằng lò xo hoặc cao su để cách ly rung động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1489/GPMT-UBND
ngày 30. tháng 06 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái tồn tại	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế,...)	Rắn	03	13 03 02	NH
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	70	16 01 06	NH
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	300	13 01 01	NH
Tổng cộng			3.887		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CT	Ký hiệu phân loại
1	Giấy vào bao bì giấy carton thải bỏ	125	18 01 05	TT-R
2	Nhựa (Chai nhựa)	35	14 01 11	TT-R
3	Thủy tinh (Chai thủy tinh không nhiễm thành phần nguy hại)	50	12 08 07	TT-R
4	Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải.	5	13 01 07	TT
5	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	2.000	12 06 13	TT
Tổng khối lượng		2.215		

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, thân nhân, bệnh nhân	Rắn	24.640

1.4. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	50	13 01 02	KS
2	Chất tẩy rửa thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	1.440	16 01 10	KS
3	Vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc nhóm gây độc tế bào hoặc cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	1.524	18 01 04	KS
4	Tro xỉ từ lò đốt chất thải rắn y tế	Rắn	1.280	12 01 05	KS
Tổng khối lượng			4.294		

2. 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải y tế lây nhiễm:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích 4,8 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: có tường tôn bao quanh, nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau; trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích 4,8 m².

- Xây dựng kho chứa có kết cấu khung thép bao quanh bằng tôn, mái lợp tôn, nền bê tông đảm bảo kín, không bị thấm thấu, có thu nước rỉ, có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.2.3. Biện pháp xử lý

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy.

2.3.1. Khu lưu chứa:

Lưu chứa tại khu vực kho lưu chứa có mái che.

2.3.3 Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải y tế lây nhiễm và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

- Hóa chất được lưu trữ riêng biệt trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống thấm và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheet) của hóa chất và tuân thủ các quy định an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Bệnh viện theo quy định.

- Về kho chứa hóa chất: thiết kế kho chứa hóa chất đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và các yêu cầu về kho chứa quy định tại mục 05 QCVN 05:2020/BCT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an

toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Bệnh viện, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

4. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

5. Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

7. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1982/GPMT-UBND
ngày 10 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải của Bệnh viện đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, hệ số K=1,2. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3. Thiết kế, lắp đặt và vận hành hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí phát sinh từ hoạt động sản xuất của Bệnh viện đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT với các hệ số $K_p = 1,0$ và $K_v = 0,8$ và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

6. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

7. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Bệnh viện theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và

các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Bệnh viện đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

13. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

14. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho nhân viên.

15. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.